

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **12/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 07.5.2020.

V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ C**

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị A**

Các hội thẩm nhân:

1. Bà **Cao Thị Ngọc H**

2. Ông **Nguyễn Phú H**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng C** – Thư ký Tòa án nhân dân quận B, thành phố C.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố C xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 34/2019/TLST-HNGĐ ngày 17/12/2020 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

NGUYÊN ĐƠN: Bà **Đinh Thị Phương T.** Địa chỉ: phường A, quận B, thành phố C.

BỊ ĐƠN: Ông **Trương Quốc V.** Địa chỉ: phường A, quận B, thành phố C.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đinh Thị Phương T trình bày:

Bà T và ông Trương Quốc V qua thời gian tìm hiểu, đã tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân phường An Thái, quận B, thành phố C. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó có mâu thuẫn phát sinh, nguyên nhân là do ông bà khác biệt quan điểm sống, tính cách không hòa hợp. Bà T cho rằng ông V thường ghen tuông vô cớ, có hành vi bạo lực gia đình với vợ và có chơi cờ bạc. Bà T nhiều lần nhắc nhở và khuyên nhủ nhưng ông V không thay đổi. Nay bà nhận thấy tình cảm dành cho ông V đã không còn, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên yêu cầu được ly hôn với ông V, không đồng ý hòa giải đoàn tụ.

Về con chung: thời gian chung sống bà và ông V có hai con chung tên Trương Thiện P (nam) sinh ngày 17 tháng 7 năm 2010 và Trương Bảo N (nữ) sinh ngày 30 tháng 03 năm 2014. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trương Quốc V trình bày:

Ông thống nhất với phần trình bày của bà T về thời gian kết hôn, con chung là đúng. Về mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng, ông V thừa nhận bản thân cũng có cư xử sai và có ghen tuông. Ông V cho rằng cuộc sống vợ chồng ông bà có mâu thuẫn nhưng không lớn để buộc phải ly hôn. Vì vậy, ông không đồng ý ly hôn vì vẫn còn thương vợ và muốn các con được có đủ cha đủ mẹ để trưởng thành.

Về con chung: trường hợp ông và bà T ly hôn thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án đã được hòa giải không thành nên đưa ra xét xử công khai theo thủ tục chung. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn cương quyết ly hôn, các phần khác giữ ý kiến theo nội dung biên bản hòa giải, bị đơn ông V không đồng ý ly hôn tuy nhiên nếu bà T cương quyết thì ông vẫn chấp thuận, nếu ly hôn ông muốn được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: thống nhất theo bà T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét quan hệ pháp luật đây là vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn được pháp luật điều chỉnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bà T, ông V tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm rạn nứt không thể hàn gắn. Bà T có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn. Ông V thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không lớn, ông mong muốn đoàn tụ gia đình để cùng lo cho các con. Tuy nhiên, do bà T cương quyết ly hôn nên phía ông V cũng đồng ý thuận tình. Việc tự quyết định của đương sự về vấn đề hôn nhân là tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận.

[2] Thời gian chung sống, ông bà có hai con chung tên Trương Thiện P (nam) sinh ngày 17 tháng 7 năm 2010 và Trương Bảo N (nữ) sinh ngày 30 tháng 03 năm 2014. Bà T và ông V đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Thiện P đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng muốn được sống cùng bà T sau khi cha mẹ ly hôn. Về cháu Bảo N hiện vẫn còn nhỏ tuổi và là con gái nên cũng rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Hiện nay các con đang sinh sống và học tập ổn định tại nơi cư trú của bà T, do vậy cần tiếp tục giao hai cháu cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự ổn định cho con chung.

Nếu sau này bà T nuôi con không đảm bảo các quyền về trẻ em thì ông V có quyền làm đơn khởi kiện thay đổi người nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 28, 35, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 51, 55, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015

Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Trương Quốc V và bà Đinh Thị Phương T.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Trương Thiện P (nam) sinh ngày 17 tháng 7 năm 2010 và Trương Bảo N (nữ) sinh ngày 30 tháng 03 năm 2014 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, không buộc ông V cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trương Quốc V được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định.

Vì quyền và lợi ích của trẻ em, Tòa án có thể xem xét việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn khi có đơn yêu cầu.

3/Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đinh Thị Phương T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), chuyển 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 004206 ngày 17/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố C thành tiền án phí, đương sự đã nộp đủ tiền án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố C giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.B, TPCT;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q.B, TPCT;
- UBND phường An Thái, Q. B, TPCT;
- (GCNĐKKH số 156, Quyền I/2009 ngày 21/11/2009)
- Tòa án nhân dân TP C;
- Lưu (hs, Vp, Ltds).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị A